

Bình luận bản án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và kinh nghiệm nghiên cứu giảng dạy

Comment on the judgment of a dispute over a purchase and sale contract and research
experience in teaching

Mai Thị Mai Hương*
Mai Thi Mai Huong*

Khoa Luật, Trường Ngôn ngữ - Xã hội Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam
Faculty of Law, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 28/05/2024, ngày phản biện xong: 14/06/2024, ngày chấp nhận đăng: 08/07/2024)

Tóm tắt

Kiến thức pháp lý đạt được trên con đường nghiên cứu chuyên sâu các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và được kiểm nghiệm thông qua các vụ việc thực tế là phương pháp tri thức bền vững nhất. Giảng viên muốn giảng dạy tốt các học phần pháp luật không thể xa rời quá trình tự nghiên cứu từ lý thuyết đến thực tiễn. Bài viết này sẽ cung cấp các tình tiết quan trọng của một vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thực tế, quan điểm giải quyết vụ án và chia sẻ các điểm cần lưu ý khi nghiên cứu giảng dạy các học phần thương mại thuộc bộ môn Luật Kinh tế.

Từ khóa: tranh chấp kinh doanh thương mại; bồi thường thiệt hại.

Abstract

Legal knowledge, gained through in-depth research of current Vietnamese legal regulations, and tested through real cases, is the most sustainable method of acquiring knowledge. Lecturers who want to teach law subjects well cannot stray away from the process of self-study from theory to practice. This article will provide important details of a real goods purchase contract dispute case, perspectives on resolving the case, and share key points to remember when researching and teaching commercial modules of the Department of Economic Law.

Keywords: commercial and business disputes; compensation.

1. Đặt vấn đề

Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại – một trong những nội dung quan trọng của các học phần Luật Kinh tế, mang lại cho sinh viên kiến thức pháp lý về hợp đồng mua bán hàng hóa như: đặc điểm hợp đồng; giao kết hợp đồng; điều kiện có hiệu lực của hợp

đồng; hợp đồng vô hiệu; trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng. Để giảng dạy nội dung này, mỗi giảng viên cần phải phân tích các khía cạnh khác nhau của một vấn đề. Đồng thời, quá trình giảng dạy về hợp đồng thương mại của giảng viên sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi kết hợp giữa nền tảng tri thức với những tình huống pháp lý thực

*Tác giả liên hệ: Mai Thị Mai Hương

Email: maitmaihuong@dtu.edu.vn

té. Xuất phát từ nhu cầu ấy, tác giả đưa ra thông tin của một vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa điển hình, và tiến hành phân tích, đánh giá bản án giải quyết vụ án thực chứng làm tư liệu để giảng viên nghiên cứu.

2. Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

2.1. Thông tin vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa điển hình xảy ra giữa hai cơ sở mua cà phê tại huyện C, tỉnh G vào năm 2011, có thể tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2010, bà Nguyễn Thị T là chủ Cơ sở mua bán nông sản T ký hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT với vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H mua 50.000kg cà phê với giá 29.000 đồng/kg, thành tiền 1.450.000.000 đồng, thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 30/12/2010, thanh toán bằng tiền mặt 100% sau khi giao đủ hàng. Cơ sở kinh doanh T mua nông sản để bán lại kiếm lời, do đó sau khi ký hợp đồng với ông Tr và bà H, bà T đã ký Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT với Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) TN bán 64.800kg cà phê với giá 30.000 đồng/kg, thời hạn giao hàng ngày 20/2/2011.

Do giá cà phê biến động tăng mạnh (theo Công văn 2246/STC-QLGCS ngày 26/9/2017 của Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai, giá cà phê tháng 10/2010 là 29.781 đồng/kg, tháng 11/2010 là 34.335 đồng/kg, tháng 12/2010 là 34.779 đồng/kg, tháng 1/2011 là 37.840 đồng/kg) nên ông Tr và bà H không thể mua cà phê để giao cho bà T đúng thời hạn. Để hỗ trợ ông Tr và bà H, bà T đã tạm ứng cho ông Tr, bà H 600.000.000 đồng để tiếp tục mua cà phê (mặc dù trong hợp đồng không yêu cầu). Đến tháng 1/2011, ông Tr, bà H chỉ giao cho bà T 20.862kg cà phê. Sau nhiều lần bà T yêu cầu nhưng ông Tr, bà H không thể giao số cà phê còn thiếu (29.138kg).

Để có hàng giao cho Công ty TNHH TN, ngày 8/3/2011 bà T ký Hợp đồng kinh tế số 35/HĐKT mua của bà Phan Thị T 29.138kg cà phê nhân xô với giá 46.100 đồng/kg, và đã giao đủ hàng cho Công ty TNHH TN theo đúng thỏa thuận.

Do ông Tr và bà H không thực hiện đúng hợp đồng nên bà T phải mua của bà Phan Thị T với giá chênh lệch 17.100 đồng/kg, nên bà T yêu cầu ông Tr và bà H phải thanh toán số tiền chênh lệch do giá cà phê tăng tương ứng: $29.138\text{kg} * 17.100\text{đồng/kg} = 498.259.800\text{đồng}$.

Ông Tr và bà H (bị đơn trong vụ kiện) phản tố lại yêu cầu của bà T: Do giá cà phê tăng mạnh, bà T không cho ứng trước nên không có tiền mua cà phê; ông bà cũng đã cố gắng hết sức để giao 20.862kg cà phê, bị lỗ 200.000.000 đồng; ông bà đề xuất giao bù số cà phê còn thiếu vào mùa cà phê năm sau hoặc bà T trợ giá nhưng bà T không đồng ý. Ông Tr, bà H không đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch.

2.2. Quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp tại tòa án nhân dân các cấp

Quá trình giải quyết sơ thẩm - phúc thẩm - giám đốc thẩm lần thứ nhất như sau:

+ Vụ việc được giải quyết sơ thẩm lần thứ nhất ngày 26/07/2011 tại Tòa án nhân dân huyện C; giải quyết phúc thẩm lần thứ nhất ngày 01/12/2011 tại Tòa án nhân dân tỉnh G; giải quyết giám đốc thẩm ngày 19/09/2012 tại Tòa án Kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án Kinh tế chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông Tr và bà H thanh toán 498.259.800 đồng. Sau khi bản án phúc thẩm lần thứ nhất có hiệu lực pháp luật, ông Tr, bà H đã tất toán 382.891.000 đồng cho bà T.

+ Sau khi bị kháng nghị bởi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, vụ việc tiếp tục được giải quyết giám đốc thẩm ngày 26/02/2016 tại Tòa án Kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao. Tại đây, Tòa tuyên hủy quyết định giám đốc thẩm, giao cho Tòa án nhân dân huyện C tỉnh G xét xử sơ thẩm lại.

Quá trình giải quyết sơ thẩm - phúc thẩm - giám đốc thẩm lần thứ hai như sau:

+ Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai (ngày 25/05/2017) với Bản án số 01/2017/KDTM-ST, Tòa án nhân dân huyện C đã buộc ông Tr, bà H bồi thường cho bà T 262.242.000 đồng.

+ Vụ việc được giải quyết phúc thẩm lần thứ hai ngày 27/09/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh G (Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT).

Tại đây, Tòa tuyên “Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; chấp nhận một phần kháng cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh G về giá cả phê; không chấp nhận kháng cáo của ông Tr và bà H.

Áp dụng Điều 302, 303, 307, 308 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 302, 303 Luật Thương mại năm 2005.

Buộc ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 495.520.828 đồng (được khấu trừ số tiền 382.891.000 đồng đã thi hành án), ngoài ra còn chịu án phí phúc thẩm.

+ Ngày 10/11/2017 Ông Tr và bà H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 8/9/2020 Chánh án Tòa án nhân dân Cấp cao thành phố Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2020/KN-KDTM.

Ngày 30/09/2020, tại phiên giám đốc thẩm (diễn ra tại Đà Nẵng), Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại.

+ Ngày 28 và 29/06/2021, Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, do Bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Như vậy, vụ việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên kéo dài 10 năm (từ năm 2011 đến năm 2021), trải qua tất cả giai đoạn của thủ tục tố tụng dân sự lập vòng tại tòa án nhân dân các cấp từ sơ thẩm - phúc thẩm - giám đốc thẩm. Các bên không thỏa mãn với kết luận giải quyết của tòa án về mức phí bồi thường. Tòa án nhân dân các cấp đã có những nhận định khác nhau, cũng như đã áp dụng pháp luật khác nhau mặc dù các tình tiết không thay đổi.

3. Bình luận bản án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

3.1. Tính hợp pháp của hợp đồng mua bán hàng hóa

Cả hai hợp đồng (Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT giữa bà T (bên mua) với vợ chồng ông Tr và bà H (bên bán); Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT giữa bà T với Công ty TNHH TN đều là hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại thỏa mãn các điều kiện.

+ Các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa đều là thương nhân.

Căn cứ khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh cà phê của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H, cơ sở kinh doanh cà phê của Nguyễn Thị T được xác định là các hộ kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp.

Bên cạnh đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005, hai hộ kinh doanh này cũng được xem là thương nhân, hoạt động thương mại độc lập thường xuyên, đem lại lợi nhuận cho chính hộ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động thương mại tham gia.

+ Đối tượng hợp đồng là hàng hóa (cà phê thô), được phép giao dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cơ sở kinh doanh của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H và cơ sở kinh doanh của bà Nguyễn Thị T cũng đã đăng ký kinh doanh hợp

pháp. Cả hai cơ sở đều có chức năng hoạt động kinh doanh mua bán cà phê.

+ Ngày 28/9/2010, bà Nguyễn Thị T - chủ Cơ sở mua bán nông sản T ký Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT với vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H mua cà phê. Sau đó, bà T đã ký Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT với Công ty TNHH TN bán lại số cà phê đã mua. Như vậy, các bên tham gia giao dịch mua bán cà phê đều nhằm mục đích sinh lợi.

+ Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT giữa bà T (bên mua) với vợ chồng ông Tr và bà H (bên bán); Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT giữa bà T với Công ty TNHH TN được ký kết dưới hình thức pháp lý hợp đồng kinh tế bằng văn bản.

Mặc dù Luật Thương mại năm 2005 không quy định về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa, nhưng căn cứ vào khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005, có thể thấy rằng Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT và Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT được ký kết bằng văn bản nên hai hợp đồng mua bán hàng hóa này có giá trị pháp lý kể từ thời điểm ký kết.

Mặc dù hai hợp đồng độc lập với nhau, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý tách bạch nhau, nhưng Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT và Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT có mối liên hệ bắc cầu vì cùng đối tượng, số lượng hàng hóa.

Bà T đóng vai trò trung gian mua bán nông sản, thực hiện giao dịch thông qua hợp đồng kinh tế là hợp pháp, cả hai hợp đồng đều hợp pháp.

3.2. Quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Ông Tr, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong hợp đồng (không giao hàng đúng số lượng, đúng thời gian), quyền lợi của bà T không được đảm bảo, từ đó phát sinh mâu thuẫn.

Tranh chấp giữa hai bên thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại, bởi tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, là tranh chấp giữa các tổ chức có đăng ký kinh

doanh với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, căn cứ thẩm quyền theo vụ việc thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ thẩm quyền theo cấp tòa án, tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm đối với các vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết phúc thẩm bản án, quyết định của tòa án bị kháng cáo, kháng nghị.

Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của tòa án theo lãnh thổ được xác định là tòa án nhân dân nơi bị đơn cư trú theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh G là tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh G là tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm khi bản án của Tòa án nhân dân huyện C bị đương sự kháng cáo.

Xét về mặt chứng cứ, hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT là chứng cứ cốt yếu để giải quyết tranh chấp giữa hai bên: Bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn), Ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H (bị đơn).

3.3. Nguyên nhân khách quan dẫn đến tranh chấp

Ngay sau khi bà T ký kết hợp đồng với ông Tr, bà H, giá cà phê trên thị trường đã tăng lên. Cuối tháng 12/2010, ở thời điểm ký hợp đồng mua bán thì giá cà phê là 34.779 đồng/kg, nhưng đến thời điểm giao dịch (08/03/2011) thì giá cà phê đã lên 46.006 đồng/kg.

Giá cà phê tăng lên đột ngột nằm ngoài dự đoán của các bên, các bên không thỏa thuận về việc tạm ứng trước để mua nguyên liệu cũng như các giải pháp, trách nhiệm pháp lý trong trường

hợp giá cà phê tăng lên. Đây là điểm bất lợi của hợp đồng mua bán hàng hóa, đặc biệt là giao dịch liên quan đến hàng nông sản mua theo mùa vụ.

Do hai bên không lường trước được sự kiện pháp lý này khi giao kết hợp đồng, nên giá cà phê tăng lên được xem là nguyên nhân khách quan dẫn đến bên bán không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng, mâu thuẫn giữa hai bên nảy sinh.

3.4. Thực hiện hợp đồng kinh tế

Sự biến động mạnh giá cà phê (tăng từ 29.781 đồng/kg lên 37.840 đồng/kg trong giai đoạn tháng 10/2020 - tháng 01/2021) khiến ông Tr và bà H không thể mua đủ số lượng cà phê để giao cho bà T theo hợp đồng. Mặc dù được bà H tạm ứng 600.000.000 đồng, nhưng ông Tr và bà H chỉ giao được 20.862kg cà phê, còn thiếu 29.138kg. Do cần hàng để giao cho Công ty TNHH TN, bà T đã ký hợp đồng mua cà phê với cơ sở khác với giá cao hơn (46.100 đồng/kg) để hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

Mặc dù, hợp đồng kinh tế giữa ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị T; giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH TN; giữa bà Nguyễn Thị T và bà Phan Thị T là độc lập với nhau, không ràng buộc trách nhiệm lẫn nhau và quy cách cà phê có sự khác biệt, nhưng do đặc điểm kinh doanh của bà Nguyễn Thị T mua nông sản giá thấp, gia công làm giảm độ ẩm và tạp chất của cà phê rồi tìm đối tác bán lại với giá cao nên việc bán giá mua vào và giá bán ra chênh lệch nhau giữa các hợp đồng là phù hợp.

Do ông Tr và bà H không thực hiện đúng hợp đồng nên bà T phải mua của bà Phan Thị T với giá chênh lệch 17.100 đồng/kg. Do đó, ông Tr và bà H có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo đúng quy định tại các Điều 297, 302 và 303 của Luật Thương mại năm 2005.

3.5. Lỗi của các bên trong tranh chấp

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT, nghĩa vụ của bên bán chấm dứt vào ngày 31/12/2010, nhưng đến ngày 31/12/2010

bên bán vẫn không giao đủ số lượng cà phê, Bên bán đã vi phạm hợp đồng, lỗi của bên bán được xác định là lỗi cố ý.

Trong quan hệ mua bán hàng hóa, bên vi phạm không thể dựa và sự kiện pháp lý khách quan để phủ nhận lỗi cố ý của mình hoặc xem là lỗi vô ý và chối bỏ trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Mọi thỏa thuận đạt được khi giao kết hợp đồng sẽ được áp dụng để xác định nghĩa vụ, quy kết trách nhiệm pháp lý đối với bên vi phạm, điều này đòi hỏi các bên khi soạn thảo hợp đồng phải dự liệu trước các tình huống có thể xảy ra mang tính chủ quan cũng như khách quan, đặc biệt trong kinh doanh thương mại. Do vậy, lỗi phần lớn thuộc về bên bán – ông Tr, bà H, và thời điểm bên bán vi phạm hợp đồng được xác định là ngày chấm dứt hợp đồng 31/12/2010.

Bởi vì bên bán không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng, bà T phải mua số lượng cà phê còn thiếu từ bên thứ ba để giao cho Công ty TNHH TN. Tuy nhiên, theo thỏa thuận của Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT, thời hạn hợp đồng là ngày 20/2/2011, bà T buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng vào ngày này.

Bà T muốn hạn chế tổn thất xảy ra sẽ phải giao kết với bà Phan Thị T trong tháng 1/2011 để giao hàng kịp tiến độ hợp đồng với Công ty TNHH TN. Thời điểm chấm dứt trách nhiệm hạn chế tổn thất của bà T theo quy định tại Điều 305 Luật Thương mại năm 2015, đối với Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT phải được tính là ngày 30/1/2011, còn thời điểm chấm dứt nghĩa vụ giao hàng đối với Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT là ngày 20/2/2011, khoảng thời gian từ ngày 30/1/2011 đến ngày 20/2/2011 được tính là thời gian thực hiện công việc gia công.

Nhưng thực tế, bà T đã xin Công ty TNHH TN gia hạn giao hàng vào cuối tháng 03/2011, việc thỏa thuận gia hạn nằm ngoài hợp đồng có thể được tính là không còn liên quan đến hợp đồng giữa bà T và ông Tr, bà H. Đến ngày 8/3/2011 bà T mới gấp rút mua 29.138kg cà phê

từ bà Phan Thị T để gia công và giao cho Công ty TNHH TN đúng hạn, giá cà phê thời điểm tháng 01/2011 và tháng 03/2011 chênh lệch nhau 8.166 đồng/kg dẫn đến tranh chấp về trách nhiệm hạn chế tổn thất giữa bà T và ông Tr, bà H. Xét về lỗi, bà T phải gánh chịu một phần thiệt hại do có lỗi thực hiện trách nhiệm hạn chế tổn thất quá thời hạn.

3.6. Trách nhiệm pháp lý của bên vi phạm

Bên bán buộc phải gánh chịu các trách nhiệm pháp lý do có hành vi vi phạm hợp đồng, có lỗi. Thời điểm bên bán bị coi là vi phạm hợp đồng được xác định là ngày 31/12/2010, bên bán không giao đủ số lượng hàng hóa theo thỏa thuận, do đó, bên bán buộc phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao đủ hàng theo yêu cầu của bên mua (Điều 297 Luật Thương mại năm 2005).

Đối với hình thức buộc thực hiện hợp đồng, bên bị vi phạm có thể yêu cầu bên vi phạm tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc dùng các biện pháp khác để hợp đồng được thực hiện và bên vi phạm phải chịu các chi phí phát sinh. Nếu bên bán không tiếp tục giao số hàng còn thiếu thì bên mua có quyền mua hàng từ người khác thay thế, bên mua phải thanh toán khoản tiền chênh lệch và các chi phí phát sinh nếu có. Bà T đã chi tạm ứng 600.000.000 đồng để ông Tr, bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng, nhưng ông Tr, bà H không thể giao đủ lượng hàng, bà T mua lượng hàng còn thiếu từ bà Phan Thị T là hợp pháp. Ông Tr, bà H buộc phải thanh toán khoản tiền chênh lệch cho bà T do giá cà phê biến động.

Bên bán vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên mua, bên bán buộc phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đồng thời với trách nhiệm buộc thực hiện đúng hợp đồng. Thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng sẽ được xác định gồm thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp. Thiệt hại trực tiếp là giá trị 29.138kg cà phê không được giao. Do có mối quan hệ bắc cầu, khoản lợi được hưởng từ hợp đồng với Công ty TNHH TN nếu bà T không thể nhận được do vi

phạm của ông Tr, bà H thì khoản lợi này sẽ được tính là thiệt hại gián tiếp, nhưng bà T đã hoàn thành hợp đồng với Công ty TNHH TN nên thiệt hại gián tiếp trong vụ việc này không xảy ra.

Theo quy định tại Điều 305 Luật Thương mại năm 2005, bà T (nguyên đơn) là người yêu cầu bồi thường thiệt hại phải áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất kể cả tổn thất đối với khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra; nếu bà T không áp dụng các biện pháp đó, ông Tr bà H (bên vi phạm hợp đồng) có quyền yêu cầu giảm bớt giá trị bồi thường thiệt hại bằng mức tổn thất đáng lẽ có thể hạn chế được. Thực tế, bà T đã thực hiện hạn chế tổn thất bằng cách mua cà phê còn thiếu từ người khác, hoàn thành hợp đồng mua bán với Công ty TNHH TN, nên ông Tr, bà H không thể yêu cầu giảm bớt khoản bồi thường thiệt hại.

Về nguyên tắc thiệt hại bao nhiêu bồi thường bấy nhiêu, đồng thời bà T đã mua cà phê cần thiết từ người khác để ngăn chặn tổn thất khi ông Tr, bà H không thể tiếp tục hợp đồng, theo đó, bà T có quyền yêu cầu ông Tr, bà H thanh toán khoản tiền chênh lệch do giá cà phê tăng lên giữa hai thời điểm ngày 28/09/2010 (thời điểm giao kết Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT) và tháng 02/2011 (thời hạn của Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT): $29.138 * (46.006 - 29.000) = 495.520.828$ đồng.

Tuy nhiên bà T phải gánh chịu một phần lỗi vì đã thực hiện biện pháp hạn chế tổn thất không đúng thời hạn, do đó ông Tr, bà H chỉ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch do giá cà phê tăng lên giữa hai thời điểm ngày 28/09/2010 (thời điểm giao kết Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT) và ngày 30/01/2011 (thời điểm chấm dứt trách nhiệm hạn chế tổn thất của bên mua): $29.138 * (38.000 - 29000) = 262.242.000$ đồng.

Như vậy, ông Tr và bà H chỉ phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường 262.242.000 đồng trong tổng số 495.520.828 đồng (52,92%), bà T gánh chịu 233.278.828 đồng (47,08%). Sau khi bản án

phúc thăm lần thứ nhất có hiệu lực ông Tr, bà H đã tất toán 382.891.000 đồng cho bà T, do vậy, Bà T sẽ phải trả lại cho ông Tr, bà H 120.649.000 đồng.

3.7. Đánh giá chung nội dung Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Điểm then chốt để giải quyết vụ việc tranh chấp hợp đồng mua bán cà phê này đó là tòa án nhân dân cần xác định đúng các yếu tố then chốt sau đây:

+ Hành vi vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa của bên vi phạm.

Vi phạm hợp đồng là một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên (khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005). Ông Tr, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng như thỏa thuận trong hợp đồng (giao thiếu hàng).

+ Xác định lỗi của bên vi phạm và lỗi của cả bên bị vi phạm, để xác định trách nhiệm pháp lý mà các bên phải gánh chịu, mức thiệt hại mà các bên phải gánh chịu.

Trong đó lỗi của ông Tr, bà H được xác định là lỗi cố ý khi không giao đủ số lượng cà phê đã giao kết với bà T.

Về phía bà T, bà T đã thực hiện hạn chế tổn thất bằng cách mua cà phê còn thiếu từ bà Phan Thị T, nhằm thực hiện được hợp đồng mua bán với Công ty TNHH TN. Tuy nhiên, bà T đã thực hiện biện pháp hạn chế tổn thất khi đã quá thời hạn, do đó bà T cũng phải gánh chịu một phần lỗi ở đây.

+ Thời điểm nào là thời điểm bị xem là vi phạm hợp đồng của bên bán.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT giữa bà T (bên mua) và ông Tr, bà H (bên bán), nghĩa vụ của bên bán chấm dứt vào ngày 31/12/2010, nhưng đến ngày 30/12/2010 bên bán vẫn không giao đủ số lượng cà phê. Vậy, thời điểm bên bán vi phạm hợp đồng được xác định là ngày chấm dứt hợp đồng 31/12/2010.

+ Thời điểm nào được xác định là thời điểm chấm dứt trách nhiệm hạn chế tổn thất của bên mua, và giá cả phê tương ứng tại thời điểm chấm dứt đó, mới có cơ sở chính xác để phân định lỗi, thiệt hại xảy ra và mức bồi thường của bên vi phạm.

Theo thỏa thuận của Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT giữa bà T (bên bán) và Công ty TNHH TN (bên mua), thời hạn hoàn thành nghĩa vụ giao hàng là ngày 20/2/2011.

Bà T muốn hạn chế tổn thất xảy ra sẽ phải giao kết với bà Phan Thị T trong tháng 01/2011 để giao hàng kịp tiến độ hợp đồng với Công ty TNHH TN vào ngày 20/2/2011. Thời điểm chấm dứt trách nhiệm hạn chế tổn thất của bà T đối với Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT phải được tính là ngày 30/1/2011. Còn thời điểm chấm dứt nghĩa vụ giao hàng đối với Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT là ngày 20/2/2011, khoảng thời gian từ ngày 30/1/2011 đến ngày 20/2/2011 được tính là thời gian thực hiện công việc gia công.

+ Nghĩa vụ hạn chế tổn thất của bên bị vi phạm.

Theo quy định tại Điều 305 Luật Thương mại năm 2005: “*Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế tổn thất kể cả tổn thất đối với khoản lợi trực tiếp đáng lẽ được hưởng do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra*”, bà T có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại sau khi bà T đã thực hiện hạn chế tổn thất do ông Tr, bà H gây ra liên quan đến hợp đồng kinh tế giữa bà T và Công ty TNHH TN.

+ Loại trách nhiệm pháp lý mà bên vi phạm phải gánh chịu do có hành vi vi phạm hợp đồng (Điều 292 Luật thương mại năm 2005):

- Buộc thực hiện đúng hợp đồng

Căn cứ khoản 1, 2 và 3 Điều 297 Luật Thương mại năm 2005:

“*Buộc thực hiện đúng hợp đồng là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng hoặc dùng các biện pháp khác để hợp đồng được thực hiện và bên vi phạm phải chịu chi phí phát sinh.*”

Trường hợp bên vi phạm giao thiếu hàng không đúng hợp đồng thì phải giao đủ hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng”, ông Tr, bà H đã giao thiếu 29.138kg cà phê, ông Tr, bà H có nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Trong trường hợp ông Tr, bà H không thực hiện thì bà T có quyền mua hàng của người khác để thay thế theo đúng loại hàng hóa ghi trong hợp đồng và ông Tr, bà H phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan.

- Bồi thường thiệt hại

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 302 Luật Thương mại năm 2005:

“Bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm.

Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm”, bên bán vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên mua. Thiệt hại trực tiếp được xác định là giá trị 29.138kg cà phê không được giao. Bên bán buộc phải gánh chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Khoản tiền chênh lệch do giá hàng hóa biến động khi bên bị vi phạm áp dụng biện pháp hạn chế tổn thất bằng cách mua hàng còn thiếu từ bên thứ ba chính là tổng giá trị thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

Bà T đã mua cà phê cần thiết từ người khác để ngăn chặn tổn thất khi ông Tr, bà H không thể tiếp tục hợp đồng. Do đó, bà T có quyền yêu cầu ông Tr, bà H thanh toán khoản tiền chênh lệch do giá cà phê tăng lên giữa hai thời điểm ngày 28/9/2010 (thời điểm giao kết Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT) và tháng 2/2011 (thời hạn của Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT): $29.138 * (46.006 - 29.000) = 495.520.828$ đồng.

Theo quan điểm cá nhân tác giả, Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số

06/2017/KDTM-PT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh G (phúc thẩm lần thứ hai) đã không đánh giá đúng lỗi của các bên, mà cho rằng bên bán có hành vi vi phạm, lỗi hoàn toàn thuộc về bên bán. Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT cũng không chỉ ra được trách nhiệm hạn chế tổn thất của bên mua (bên yêu cầu bồi thường thiệt hại) sẽ chấm dứt vào thời gian nào, từ đó dẫn đến kết luận buộc bên bán phải gánh chịu bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Mặc dù tình tiết vụ việc không thay đổi, tòa án nhân dân các cấp áp dụng pháp luật không giống nhau do cách hiểu khác nhau, trong đó, bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân Tỉnh G có thể được xem là không phù hợp với thực tế giao dịch của các bên, vụ việc này phải giải quyết sơ thẩm lần thứ ba. Do đó, kết quả dẫn đến là Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 16/2020/KDTM-GĐT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm theo đúng quy định pháp luật.

4. Kinh nghiệm nghiên cứu giảng dạy các học phần liên quan đến Luật Kinh tế

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình tiết vụ việc thông qua bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh G, tác giả xin chỉ ra những điểm cần lưu ý mở rộng kiến thức khi giảng viên nghiên cứu nội dung giảng dạy về “Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng”, thuộc các học phần liên quan đến Luật Kinh tế.

Thứ nhất, đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bên yêu cầu bồi thường thiệt hại có nghĩa vụ hạn chế tổn thất kể cả đối với các khoản lợi đáng lẽ được hưởng. Về vấn đề này, hiện nay Luật Thương mại năm 2005 quy định khá chung chung.

Thực tiễn vụ việc chỉ ra rằng nghĩa vụ hạn chế tổn thất của bên bị vi phạm cần phải xác định cụ thể thời gian thực hiện nghĩa vụ, thời điểm kết

thúc nghĩa vụ mới có thể tính toán chính xác tổng thiệt hại, mức thiệt hại mỗi bên phải gánh chịu, và phần thiệt hại được khấu trừ do sự cố gắng của các bên trong việc hoàn thành nghĩa vụ của mình. Thời gian thực hiện nghĩa vụ hạn chế tổn thất có thể được xác định dựa trên thỏa thuận của các bên liên quan, hoặc thời gian hợp lý dựa trên tính chất, đối tượng hàng hóa, hợp đồng liên quan.

Thứ hai, những vụ việc có hai hay nhiều hợp đồng có quan hệ bắc cầu như vụ việc nêu trên, thiệt hại vật chất xảy ra sẽ bao gồm thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp.

Mặc dù trong hợp đồng hai bên thỏa thuận bên nào vi phạm hợp đồng phải bồi thường 100% hợp đồng thì chúng ta vẫn phải dựa trên nguyên tắc thiệt hại đến đâu bồi thường đến đấy, không có thiệt hại gián tiếp thì chỉ có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại trực tiếp. Mức bồi thường thiệt hại còn được tính căn cứ vào mức độ lỗi của các bên.

Thứ ba, đối với trách nhiệm buộc thực hiện đúng hợp đồng, khi bên vi phạm không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bên bị vi phạm có quyền lựa chọn biện pháp khác để hợp đồng được tiếp tục. Trường hợp bên bị vi phạm mua hàng hóa còn thiếu từ bên thứ ba thì có thể xem đây là biện pháp để tiếp tục thực hiện hợp đồng và đồng thời là biện pháp ngăn chặn tổn thất trong bồi thường thiệt hại.

Thứ tư, khoản tiền chênh lệch mà bên vi phạm phải gánh chịu (giữa giá thỏa thuận trong hợp đồng và giá hàng hóa mà bên bị vi phạm đã mua từ bên thứ ba) được nhắc đến ở khoản 3 Điều 297 Luật Thương mại năm 2005 về buộc thực hiện đúng hợp đồng, cũng có thể được xem là mức bồi thường thiệt hại mà bên vi phạm phải gánh chịu ở Điều 302 Luật Thương mại năm 2005 về bồi thường thiệt hại, với điều kiện bên vi phạm có nghĩa vụ gánh chịu cả trách nhiệm buộc thực hiện đúng hợp đồng và bồi thường thiệt hại.

Thứ năm, trách nhiệm buộc thực hiện đúng hợp đồng có thể được áp dụng đồng thời với

trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, nhưng không được áp dụng đồng thời với biện pháp tạm ngừng, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng. Nếu bên bị vi phạm không thực hiện chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng thì bên bị vi phạm có thể áp dụng các chế tài khác để bảo vệ quyền lợi của mình (Điều 299 Luật Thương mại năm 2005). Vấn đề này không được nêu ra trong bài giảng nên giảng viên cần lưu ý khi nghiên cứu mối quan hệ giữa các chế tài.

5. Kết luận

Thực tiễn vụ việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại cho thấy những điểm tương đồng giữa lý thuyết và thực tế cũng như những điểm không được quy định cụ thể trong luật. Để đáp ứng yêu cầu vận dụng linh hoạt các quy định pháp luật này chỉ có thể nhận thức được thông qua thực hành phân tích các bản án, vụ việc thực tế.

Giảng viên thuộc Khoa Luật, khi tham gia giảng dạy các học phần Luật Kinh tế liên quan đến hợp đồng thương mại có thể sử dụng vụ án nêu trên để nghiên cứu phân tích, mở rộng kiến thức, cũng có thể sử dụng làm ví dụ minh họa trong tiết giảng, hoặc đơn giản hóa vụ án đưa vào bài giảng làm bài tập thực hành cho sinh viên, nâng cao kỹ năng đọc án, lập luận và giải quyết tình huống pháp lý cho sinh viên chuyên ngành luật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội Việt Nam. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.
- [2] Quốc hội Việt Nam. (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13*.
- [3] Quốc hội Việt Nam. (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*.
- [4] Văn phòng Quốc hội. (2017). *Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-VPQH Luật Thương mại*.
- [5] Văn phòng Quốc hội. (2019). *Văn bản hợp nhất số 20/VBH-VPQH Bộ luật Tố tụng dân sự*.
- [6] Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. (2017). *Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT*.
- [7] Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. (2017). *Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2021/KDTM-PT*.